|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | UBND THÀNH PHỐ TAM KỲ  **PHÒNG NỘI VỤ**    Số: /BC-PNV | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tam Kỳ, ngày tháng 7 năm 2022* | |  |

**BÁO CÁO**

**Kết quả chỉ số Cải cách hành chính thành phố (PAR INDEX) năm 2021**

**]**

**I. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) NĂM 2021**

- Phương pháp đánh giá Chỉ số Parindex gồm đánh giá bên trong của cơ quan (thẩm định của Hội đồng Thẩm định tỉnh) và đánh giá bên ngoài về sự hài lòng của doanh nghiệp và người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS). Nội dung của Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 được xác định trên 8 lĩnh vực đánh giá gồm:

(1) Công tác chỉ đạo điều hành CCHC;

(2) Cải cách thể chế;

(3) Cải cách thủ tục hành chính;

(4) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;

(5) Cải cách chế độ công vụ;

(6) Cải cách tài chính công:

(7) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử;

(8) Tác động của cải cách hành chính.

- Thang điểm của Chỉ số PAR INDEX là **100 điểm** được quy định như sau:

+ Thông qua kết quả tự chấm điểm của địa phương với số điểm tối đa là 65 điểm.

+ Kết quả điều tra xã hội học với số điểm tối đa là 35 điểm. Đối tượng UBND tỉnh lấy phiếu điều tra xã hội học gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Lãnh đạo các Sở, ban, ngành của tỉnh; Lãnh đạo UBND các xã, phường; Lãnh đạo, công chức các phòng, ban thuộc UBND thành phố và người dân, tổ chức.

**II. KẾT QUẢ CHUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ TAM KỲ NĂM 2021**

Ngày 21/6/2022, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2021. Theo đó, kết quả công bố xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính thành phố Tam Kỳ đạt **87,02 điểm** *(tăng 2.23 điểm so với năm 2020)*, xếp 1/18 huyện, thị xã, thành phố *(năm 2020 xếp vị thứ nhất);* cao hơn so với mức trung bình của tỉnh là 9,87%, đứng vào nhóm các huyện, thị xã, thành phố đạt chỉ số cải cách hành chính xếp hạng Tốt. Kết quả cụ thể như sau:

- Điểm thẩm định thực hiện công tác cải cách hành chính đạt: **56,02/65 điểm, xếp thứ 2/18** huyện, thị xã, thành phố. Năm 2020 đạt 52,75 điểm.

- Điểm điều tra xã hội học đạt: **31 điểm, xếp thứ 2/18** huyện, thị xã, thành phố. Năm 2020 đạt 32,04 điểm.

| STT | Huyện, thị xã, thành phố | Điểm đánh giá | Điểm điều tra XHH | Tổng điểm | Chỉ số CCHC |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **TP Tam Kỳ** | **56,02** | **31** | **87,02** | **87,02 %** |
| 2 | Huyện Bắc Trà My | 56,45 | 29,05 | 85,5 | 85,5 % |
| 3 | Huyện Hiệp Đức | 51,86 | 32,42 | 84,28 | 84,28 % |
| 4 | Huyện Thăng Bình | 54,85 | 28,28 | 83,13 | 83,13 % |
| 5 | Huyện Tiên Phước | 50,81 | 30,19 | 81 | 81 % |
| 6 | Huyện Duy Xuyên | 52,46 | 28,88 | 80,29 | 80,29 % |
| 7 | Huyện Nông Sơn | 51,4 | 29,28 | 80,28 | 80,18 % |
| 8 | TX Điện Bàn | 50,91 | 29,69 | 80,19 | 80,19 % |
| 9 | TP Hội An | 50,31 | 26,97 | 80 | 80 % |
| 10 | Huyện Núi Thành | 51,74 | 29,43 | 78,71 | 78,71 % |
| 11 | Huyện Phước Sơn | 48,38 | 27,83 | 77,81 | 77,81 % |
| 12 | Huyện Đại Lộc | 47,31 | 29,05 | 76,36 | 76,36 % |
| 13 | Huyện Đông Giang | 48,47 | 26,7 | 75,17 | 75,17 % |
| 14 | Huyện Nam Giang | 46,41 | 26,6 | 73,01 | 73,01 % |
| 15 | Huyện Nam Trà My | 46,15 | 28,03 | 64,64 | 71,82[[1]](#footnote-1) % |
| 16 | Huyện Quế Sơn | 41,53 | 18,49 | 69,56 | 69,56 % |
| 17 | Huyện Phú Ninh | 36,53 | 26,29 | 62,82 | 62,82 % |
| 18 | Huyện Tây Giang | 36,98 | 24,81 | 61,79 | 61,79 % |
|  | **Giá trị trung bình** |  |  |  | **77,15 %** |

*Phụ lục1: Chỉ số cải cách hành chính các huyện, thị xã, thành phố năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm đánh giá** | **Chỉ số**  **(%)** | **Xếp vị thứ so với 18 huyện, thị xã, thành phố** |
| **2019** | 79,69 | 4 |
| **2020** | 84,79 | 1 |
| **2021** | 87,02 | 1 |

*Phụ lục 2: Chỉ số cải cách hành chính thành phố Tam Kỳ từ năm 2019–2021*

**III. Phân tích chi tiết các lĩnh vực, tiêu chí và tiêu chí thành phần về chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của THÀNH PHỐ TAM KỲ năm 2021**

**1. Kết quả điểm số các tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính năm 2021**

| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm tối đa**  **(Thẩm định + ĐTXHH)** | **Điểm Hội đồng thẩm định** | **Điểm điều tra xã hội học** | **Tổng điểm đạt được**  **(F=D+E)** | **Tổng điểm bị trừ**  **(K=C-H)** | **Vị thứ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A | B | C | D | E | F | G | H |
| **1** | Công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính | **11+4**  **= 15** | 10.02 | 3.69 | **13.71** | *- 1.29* | 1 |
| **2** | Cải cách thể chế | **4 + 3**  **= 7** | 4 | 2.72 | **6.72** | *- 0.28* | 1 |
| **3** | Cải cách thủ tục hành chính | **17 + 10**  **= 27** | 14.5 | 9.19 | **23.69** | *- 3.31* | 3 |
| **4** | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính | **4 + 4**  **= 8** | 4 | 3.66 | **7.66** | *-0.33* | 1 |
| **5** | Cải cách chế độ công vụ | **11.5 + 6**  **= 17.5** | 11.5 | 5.28 | **16.78** | *-0.72* | 1 |
| **6** | Cải cách tài chính công | **5.5 + 3**  **= 8.5** | 5 | 2.84 | **7.84** | *-0.66* | 3 |
| **7** | Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số | **12 + 5**  **= 17** | 7 | 3.63 | **10.63** | *-6.37* | 1 |

*Bảng 1: Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của thành phố Tam Kỳ.*

**2. Kết quả đánh giá cụ thể từng tiêu chí**

**2.1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này**

Điểm tối đa: 15 điểm (trong đó điểm thẩm định 11 điểm, điểm điều tra xã hội học 4 điểm)

Điểm đạt được: 13.71 điểm (trong đó điểm thẩm định 10.02 điểm, điểm điều tra xã hội học 3.69), trừ: 1.29 điểm; xếp thứ 1/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| **I** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC** | **11** | **10.02** | - **0.98** |
| 1 | Xây dựng và thực hiện kế hoạch CCHC | 2 | 1.95 | -0.05 |
| 2 | Kiểm tra CCHC | 1.5 | 1.5 | 0 |
| 3 | Tổ chức Hội nghị triển khai công tác CCHC, đánh giá xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC | 1 | 1 | 0 |
| 4 | Tuyên truyền công tác CCHC | 2 | 2 | 0 |
| 5 | Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ | 1 | 1 | 0 |
| 6 | Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC | 1 | 1 | 0 |
| 7 | Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao | 2.5 | 1.57 | - 0.93 |
| *7.1* | *Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao (qua phần mềm giám sát công việc của tỉnh)* | *1* | *0.07* | *- 0.93* |
| *7.2* | *Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh trong Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC; Kế hoạch cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công* | *1.5* | *1.5* | *0* |

*Bảng 2: Kết quả điểm Chỉ số thành phần công tác Chỉ đạo điều hành*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này**

- Tiêu chí 1: Xây dựng và thực hiện kế hoạch CCHC, đạt 1.95 điểm, trừ 0.05 điểm.

+ Nguyên nhân: Hoàn thành 37/38 nhiệm vụ trong KH CCHC năm 2021 (nhiệm vụ xây dựng quy tắc ứng xử chưa hoàn thành).

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Phòng Nội vụ thành phố.

- Tiêu chí 7.1: Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đạt 0.07 điểm, trừ 0.93 điểm. Đây là tiêu chí bị mất điểm liên tục 3 năm 2019, 2020, 2021.

+ Nguyên nhân: Thực hiện chưa tốt nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trên phần mềm giám sát thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh.

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

- Điều tra xã hội học: Đạt 3.69/4 điểm, trừ 0.31 điểm.

+ Đánh giá vai trò của người đứng đầu thành phố trong việc chỉ đạo, triển khai công tác cải cách hành chính tại thành phố: 0.93/1 điểm.

+ Đánh giá về tình hình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của thành phố: 0.92/1 điểm.

+ Đánh giá về mức độ kịp thời, chủ động khi xử lý, giải quyết công việc của thành phố theo yêu cầu của HĐND, UBND tỉnh (như việc trả lời văn bản; thực hiện báo cáo; phối hợp giải quyết công việc...): 0.92/1 điểm.

+ Tính đầy đủ kịp thời của các văn bản, chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của UBND thành phố: 0.92/1 điểm.

**2.2. Cải cách thể chế**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này:**

Điểm tối đa: 7 điểm (trong đó điểm thẩm định 4 điểm, điểm điều tra xã hội học 3 điểm)

Điểm đạt được: 6.72 điểm (trong đó điểm thẩm định 4 điểm, điểm điều tra xã hội học 2.72), trừ: 0.28 điểm; xếp thứ 1/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| **II** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | **4** | **4** | **0** |
| 1 | Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | 2 | 2 | 0 |
| *1.1* | *Xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| *1.2* | *Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| *1.3* | *Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| *1.4* | *Xử lý kết quả kiểm tra* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| 2 | Theo dõi thi hành pháp luật | 2 | 2 | 0 |
| *2.1* | *Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| *2.2* | *Thực hiện chế độ báo cáo theo dõi thi hành pháp luật* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| *2.3* | *Xử lý các vấn đề bất cập phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật* | *0.5* | *0.5* | *0* |
| *2.4* | *Báo cáo kết quả thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (B1)* | *0.5* | *0.5* | *0* |

*Bảng 3: Kết quả điểm lĩnh vực cải cách thể chế*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này**

- Điều tra xã hội học: Đạt 2.72/3 điểm, trừ 0.28 điểm.

+ Đánh giá về tính kịp thời trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại thành phố: 0.92/1 điểm.

+ Đánh giá về mức độ hiệu quả, đồng bộ trong tổ chức thực hiện các văn bản QPPL tại thành phố: 0.9/1 điểm.

+ Đánh giá về tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý, kiến nghị xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại thành phố: 0.9/1 điểm.

**2.3. Cải cách thủ tục hành chính**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này**

Điểm tối đa: 27 điểm (trong đó điểm thẩm định 17 điểm, điểm điều tra xã hội học 10 điểm)

Điểm đạt được: 23.69 điểm (trong đó điểm thẩm định 14.5 điểm, điểm điều tra xã hội học 9.19), trừ: 3.31 điểm; xếp thứ 3/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| **III** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **17** | **14.5** | - **2.5** |
| **1** | **Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)** | **3** | **3** | **0** |
| **2** | **Công khai thủ tục hành chính** | **2** | **2** | **0** |
| **3** | **Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính và thủ tục hành chính** | **1** | **1** | **0** |
| **4** | **Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông** | **11** | **8.5** | - **2.5** |
| 4.1 | Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện | 1 | 1 | 0 |
| 4.2 | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của thành phố trên cổng dịch vụ công của tỉnh | 1 | 1 | 0 |
| 4.3 | Tỉ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa | 1 | 1 | 0 |
| 4.4 | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của xã trên cổng dịch vụ công của tỉnh, trang thông tin điện tử của thành phố | 1 | 1 | 0 |
| 4.5 | Tạo lập cơ sở dữ liệu để quản lý, xử lý trên phần mềm một cửa điện tử | 1 | 1 | 0 |
| 4.6 | Kết quả giải quyết TTHC | 3 | 2 | -1 |
| *4.6.1* | *Tỉ lệ hồ sơ do UBND cấp huyện được giải quyết đúng hạn* | *2* | *2* | *0* |
| *4.6.2* | *Tỉ lệ hồ sơ do UBND cấp xã được giải quyết đúng hạn* | *1* | *0* | *-1* |
| 4.7 | Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC | 2 | 1.5 | -0.5 |
| 4.8 | Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn | 1 | 0 | -1 |

*Bảng 4: Kết quả điểm lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này:**

- Tiêu chí 4.6: Kết quả giải quyết TTHC, trừ 1 điểm.

+ Nguyên nhân: Còn hồ sơ TTHC do UBND các xã, phường tiếp nhận giải quyết trễ hạn *(trễ 85 hồ sơ)*.

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

- Tiêu chí 4.7: Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, trừ 0.5 điểm.

+ Nguyên nhân: Còn hồ sơ TTHC do UBND các xã, phường tiếp nhận giải quyết trễ hạn nên chất lượng giải quyết TTHC cấp xã bị trừ điểm.

- Tiêu chí 4.8: Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn, trừ 1 điểm.

+ Nguyên nhân: Các hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn do UBND thành phố và UBND các xã, phường tiếp nhận chưa thực hiện xin lỗi theo quy định tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam.

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

- Điều tra xã hội học sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS): Đạt 9.19/10 điểm, trừ 0.81 điểm, đứng thứ 3/18 huyện, thị xã, thành phố.

**2.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này**

Điểm tối đa: 8 điểm (trong đó điểm thẩm định 4 điểm, điểm điều tra xã hội học 4 điểm)

Điểm đạt được: 7.66 điểm (trong đó điểm thẩm định 4 điểm, điểm điều tra xã hội học 3.66), trừ: 0.34 điểm; xếp thứ 1/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| **IV** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY** | **4** | **4** | 0 |
| 1 | Thực hiện quy định của về sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành Đề án kiện toàn các tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Nam và Quyết định 1947/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh về sắp xếp kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Nam | 1 | 1 | 0 |
| 2 | Thực hiện phân cấp quản lý | 3 | 3 | 0 |

*Bảng 5: Kết quả điểm lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này**

Điều tra xã hội học: Đạt 3.66/4 điểm, trừ 0.34 điểm.

- Đánh giá việc thực hiện quy chế làm việc của UBND thành phố: 0.96/1 điểm.

- Đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố: 0.93/1 điểm.

- Đánh giá mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của thành phố trong giải quyết công việc: 0.92/1 điểm.

- Đánh giá về chất lượng các văn bản phúc đáp trả lời kiến nghị, đề xuất của UBND cấp xã (như mức độ đầy đủ, chính xác của các công văn trả lời, hướng dẫn...): 0.85/1 điểm.

**2.5. Cải cách chế độ công vụ**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này**

Điểm tối đa: 17.5 điểm (trong đó điểm thẩm định 11.5 điểm, điểm điều tra xã hội học 6 điểm)

Điểm đạt được: 16.78 điểm (trong đó điểm thẩm định 11.5 điểm, điểm điều tra xã hội học 5.28), trừ: 0.72 điểm; xếp thứ 1/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **V** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | **11.5** | **11.5** | 0 |
| 1 | Rà soát, bố trí cán bộ, công chức và thực hiện cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm | 2 | 2 | 0 |
| 2 | Thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố | 1 | 1 | 0 |
| 3 | Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương | 1 | 1 | 0 |
| 4 | Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND huyện | 1 | 1 | 0 |
| 5 | Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định | 1 | 1 | 0 |
| 6 | Thực hiện cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (kể cả đơn vị trực thuộc) | 1 | 1 | 0 |
| 7 | Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức | 1 | 1 | 0 |
| 8 | Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức | 1 | 1 | 0 |
| 9 | Tỷ lệ giảm biên chế công chức, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2016-2021 | 1 | 1 | 0 |
| 10 | Cán bộ, công chức cấp xã | 1.5 | 1.5 | 0 |

*Bảng 6: Kết quả điểm lĩnh vực Cải cách chế độ công vụ*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này:**

- Điều tra xã hội học: Đạt 5.28/6 điểm, trừ 0.72 điểm.

+ Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức trong phối hợp, xử lý công việc: 0.89/1 điểm.

+ Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức trong phối hợp, xử lý công việc: 0.9/1 điểm.

+ Tình trạng tiêu cực, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ: 0.93/1 điểm.

+ Văn hóa giao tiếp, ứng xử của công chức đối với công chức làm việc ở các cơ quan cùng cấp/cấp dưới: 0.89/1 điểm.

+ Tình trạng tiêu cực trong bố trí, bổ nhiệm công chức, viên chức của thành phố: 0.91/1 điểm.

+ Tính công khai, minh bạch trong công tác bố trí, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức của thành phố: 0.76/1 điểm.

**2.6. Cải cách tài chính công**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này**

Điểm tối đa: 8.5 điểm (trong đó điểm thẩm định 5.5 điểm, điểm điều tra xã hội học 3 điểm).

Điểm đạt được: 7.84 điểm (trong đó điểm thẩm định 5 điểm, điểm điều tra xã hội học 2.84 điểm), trừ: 0.66 điểm; xếp thứ 3/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **VI** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | **5.5** | **5** | **-0.5** |
| 1 | Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính | 0.5 | 1 | 0 |
| 2 | Thực hiện quy định về sử dụng tài sản công | 1 | 1 | 0 |
| 3 | Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập | 1 | 0.5 | -0.5 |
| 4 | Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm | 1 | 1 | 0 |
| 5 | Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách | 1 | 1 | 0 |
| 6 | Công khai dự toán ngân sách giao của năm hiện hành (Năm 2021) | 1 | 1 | 0 |

*Bảng 7: Kết quả điểm lĩnh vực Cải cách tài chính công*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này:**

- Tiêu chí 3: Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập, trừ 0.5 điểm.

+ Nguyên nhân: Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và tự đảm bảo một phần chi thường xuyên năm 2021 không tăng so với năm 2020.

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố.

- Điều tra xã hội học: Đạt 2.84/3 điểm, trừ 0.16 điểm.

+ Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính: 0.96/1 điểm.

+ Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí: 0.94/1 điểm.

+ Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công: 0.94/1 điểm.

**2.7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

**a) Quy định đánh giá tại lĩnh vực này**

Điểm tối đa: 17 điểm (trong đó điểm thẩm định 12 điểm, điểm điều tra xã hội học 5 điểm)

Điểm đạt được: 10.63 điểm (trong đó điểm thẩm định 7 điểm, điểm điều tra xã hội học 3.63 điểm), trừ: 6.37 điểm; xếp thứ 1/18 huyện, thị xã, thành phố; cụ thể:

| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm thẩm định** | **Điểm bị trừ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **VII** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** | ***12*** | **7** | **-5** |
| ***1*** | ***Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)*** | ***9*** | **5** | **-4** |
| 1.1 | Triển khai văn bản điện tử (trừ văn bản mật) | 2.5 | 2.5 | 0 |
| 1.2 | Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo qua Hệ thống thông tin, báo cáo của tỉnh | 0.5 | 0.5 | 0 |
| 1.3 | Mức độ cung cấp các dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) | 3 | 1 | -2 |
| 1.4 | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích | 3 | 1 | -2 |
| ***2*** | ***Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công*** | ***2*** | ***1*** | ***-1*** |
| ***3*** | ***Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015*** | ***1*** | ***1*** | ***0*** |

*Bảng 8: Kết quả điểm lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số*

**b) Những tiêu chí mất điểm tại lĩnh vực này:**

- Tiêu chí 1.3: Mức độ cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, trừ 2 điểm.

+ Nguyên nhân: Năm 2021, thành phố Tam Kỳ có 141 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, chưa đạt yêu cầu của tỉnh.

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

- Tiêu chí 1.4: Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, trừ 2 điểm.

+ Nguyên nhân: Năm 2021, thành phố Tam Kỳ có 11/144 TTHC có phát sinh dịch vụ bưu chính công ích, chưa đạt yêu cầu của tỉnh. Và thành phố không có hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

- Tiêu chí 2: Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, trừ 1 điểm.

+ Nguyên nhân: Năm 2021, thành phố Tam Kỳ chưa thực hiện số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính

+ Cơ quan phụ trách theo dõi: Phòng Nội vụ, Văn hoá và Thông tin thành phố.

- Điều tra xã hội học: Đạt 3.63/5 điểm, trừ 1.37 điểm.

+ Mức độ nhận thức, hiểu biết của lãnh đạo thành phố và cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, chính quyền số: 0.92/1 điểm.

+ Đánh giá về hoạt động chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển chính quyền số của thành phố: 0.9/1 điểm.

+ Hiệu quả của việc ứng dụng CNTT tại thành phố: 0.9/2 điểm.

+ Đánh giá chất lượng cung cấp thông tin (tính kịp thời, đầy đủ của thông tin, mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin) trên Cổng/Trang thông tin điện tử của thành phố: 0.91/1 điểm.

**IV. NHẬN XÉT CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

- Năm 2021, các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố đã có nhiều nỗ lực, đổi mới và sáng tạo trong chỉ đạo điều hành, triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm kịp thời ứng phó với những khó khăn, thách thức và những ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 gây ra, góp phần thực hiện thành công "mục tiêu kép" là vừa phòng, chống dịch và phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực cải cách hành chính thành phố phối hợp tích cực với các cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu UBND thành phố các lĩnh vực cải cách hành chính. Đồng thời, Phòng Nội vụ thường xuyên tham mưu UBND thành phố chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của thành phố.

- Việc triển khai đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng kế hoạch, bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ thời gian. Trong quá trình triển khai, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự phối hợp tích cực trong việc tự đánh giá, cung cấp tài liệu kiểm chứng.

- Kết quả thẩm định chỉ số của tỉnh cho thấy việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền từ thành phố đến cơ sở và kết quả nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện đúng các quy định, các nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 đặt ra.

- Các đơn vị và địa phương tích cực nghiên cứu, có giải pháp đổi mới phương thức làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, quyết liệt chuyển đổi số để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

**2. Tồn tại, hạn chế**

Qua phân tích kết quả trên cho thấy các nội dung mất điểm còn tồn tại qua nhiều năm nhưng chưa được khắc phục dứt điểm như:

- Về chỉ đạo điều hành: Chưa hoàn thành 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Về cải cách thủ tục hành chính: Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ vẫn còn tồn tại, nhất là tình trạng trễ hẹn trên phần mềm một cửa điện tử; chưa thực hiện xin lỗi công dân, tổ chức khi xảy ra tình trạng trễ hẹn hồ sơ thủ tục hành chính.

- Về cải cách tài chính công: Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và tự đảm bảo một phần chi thường xuyên không tăng so với năm trước.

- Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế.

- Mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố Tam Kỳ chưa cao.

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Nhằm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của thành phố năm 2022 và những năm tiếp theo; Phòng Nội vụ thành phố kính đề nghị UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện một số nhiệm vụ:

**1. Đối với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường**

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố về kết quả thực hiện các Chương trình, Kế hoạch của UBND thành phố về cải thiện chỉ số cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân, tổ chức về mục đích, ý nghĩa, nội dung và kết quả chỉ số cải cách hành chính. Trong đó lưu ý các nội dung mà người dân đánh giá chưa cao. Đồng thời quan tâm, nghiên cứu giải pháp thực hiện nâng cao chất lượng cải cách hành chính, đáp ứng mong đợi của người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ được UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao; tiếp nhận, giải đáp kiến nghị, vướng mắc của người dân, tổ chức đảm bảo đúng thẩm quyền, không đẩy trách nhiệm.

- Có giải pháp giảm hồ sơ trễ hẹn, phấn đấu tiến tới 100% hồ sơ đúng hẹn và trước hẹn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 01/4/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Tam Kỳ, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường; thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3, 4; thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ TTHC và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiếp tục nghiên cứu, tìm ra các mô hình, sáng kiến hoặc giải pháp mới để áp dụng vào tình hình cải cách hành chính của đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng cải cách hành chính của thành phố.

**2. Phòng Tư pháp thành phố**

- Tăng cường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường thực hiện tốt công tác xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; tham mưu kịp thời đề xuất xử lý các văn bản trái pháp luật đã phát hiện qua kiểm tra theo quy định.

- Chủ động tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường tổ chức thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố.

**3. Văn phòng HĐND và UBND thành phố**

- Tham mưu UBND thành phố tổng hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiếp tục tham mưu UBND thành phố phương án đơn giản hóa TTHC, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

**4. Phòng Kinh tế thành phố**

Tham mưu UBND thành phố duy trì triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001 tại thành phố.

**5. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố**

- Tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Thành ủy về xây dựng chính quyền số gắn với xây dựng đô thị thông minh.

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**6. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố**

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất các giải pháp cụ thể để số tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

- Tham mưu việc công khai minh bạch trong mua sắm tài sản công, quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

**7. Phòng Nội vụ thành phố**

- Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu những sáng kiến, cách làm hay về cải cách hành chính để áp dụng thực hiện trên địa bàn toàn thành phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, cải thiện chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Trên đây là báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính thành phố Tam Kỳ năm 2021, kính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TTTV Thành ủy;  - TT HĐND, TT UBND thành phố;  - Các cơ quan, đơn vị;  - UBND các xã, phường.  - Lưu: VT, NV. | **TRƯỞNG PHÒNG** |

1. Thang điểm đánh giá 90, do giảm trừ 10 điểm điều tra chỉ số hài lòng (SIPAS) [↑](#footnote-ref-1)